TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tô Đông Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hòa

2. Ông Khưu Hán Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Ông Lê Bảo Tr; địa chỉ: 130A Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn Bà Nguyễn Thị Quỳnh A; địa chỉ: 130A Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, các bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Lê Bảo Tr trình bày như sau:

Ông Lê Bảo Tr và bà Nguyễn Thị Quỳnh A tự nguyện chung sống vào năm 1998, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, Quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2009. Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 09/10/1998 (Đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2000 (Đã trưởng thành); Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/9/2002 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Bảo Quỳnh M, sinh ngày 17/5/2005. Trong quá trình chung sống, ông và bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống cả về kinh tế và tình cảm, bà A không lo làm ăn, không quan tâm

đến chồng con, vợ chồng cứ cự cải nhau suốt ngày. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà A không thay đổi tính tình, cuộc sống hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Quỳnh A.

- Về con chung: Các con lớn đã trưởng thành, còn lại cháu Nguyễn Bảo Quỳnh M, sinh ngày 17/5/2005 ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Lê Bảo Tr có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán tiến hành giao Thông báo Thụ lý vụ án cho bị đơn và ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử không đúng thời hạn quy định tại Điều 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Bảo Tr và bà Nguyễn Thị Quỳnh A chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà A, hai bên đương sự cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn ông Lê Bảo Tr có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Nguyễn Thị Quỳnh A không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Quỳnh A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống giữa ông Tr và bà A phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế, bà A không lo làm ăn, không quan tâm đến chồng con. Mọi chi phí trong gia đình do ông Tr lo lắng, bà A không hỗ trợ chồng về kinh tế cũng như chăm sóc gia đình. Ông Tr đã nhiều lần nói chuyên để mong bà A thay đổi chăm lo cho gia đình và nuôi dạy con nhưng bà A vẫn không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: "Bà Nguyễn Thị Quỳnh A hiện đang cư trú tại 130A Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh …" Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, bà A không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông Tr yêu cầu ly hôn với bà A là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr.

b) Về con chung: Các con lớn đã trưởng thành, còn lại cháu Nguyễn Bảo Quỳnh M, sinh ngày 17/5/2005 ông Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và theo tờ trình bày nguyện vọng thì trẻ M có nguyện vọng được ở với cha. Tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của ông Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung kèm theo toàn bộ tài liệu chứng cứ ông Tr cung cấp cho Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt cho bà A nội dung biên bản phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bô luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà A không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa hôm nay bà A cũng không có mặt để trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của ông Tr và nguyện vọng của trẻ Mai xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Tr được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn.

Việc ông Tr không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về án phí: Ông Lê Bảo Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo Tr.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Bảo Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Quỳnh A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75, Quyển số 01/s2009, do Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 09/10/1998 (Đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2000 (Đã trưởng thành); Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/9/2002 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Bảo Quỳnh M, sinh ngày 17/5/2005, ông Lê Bảo Tr được trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ Nguyễn Bảo Quỳnh M, sinh ngày 17/5/2005.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh A không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở bà A thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: ông Lê Bảo Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Lê Bảo Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019747 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Tr đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 13, Quận 11, TP.HCM (để ghi chú vào sổ hộ tịch - Thông tin về Giấy CNKH số 75 của Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2009);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tô Đông Đức

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 11, ngày 21 tháng 7 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tô Đông Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hòa

2. Ông Khưu Hán Quang

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với Vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Bảo Trung; địa chỉ: 130A Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh; địa chỉ: 130A Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG THẢO LUẬN

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, qua việc xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo Trung.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Bảo Trung được ly hôn với bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75, Quyển số 2009, do Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trâm Anh, sinh ngày 09/10/1998 (Đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Thắng, sinh ngày 13/4/2000 (Đã trưởng thành); Nguyễn Bảo Tiến, sinh ngày 23/9/2002 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Bảo Quỳnh Mai, sinh ngày 17/5/2005, ông Lê Bảo Trung được trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ Nguyễn Bảo Quỳnh Mai, sinh ngày 17/5/2005.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở bà Anh thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: ông Lê Bảo Trung xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Lê Bảo Trung phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019747 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Trung đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Việc nghị án kết thúc vào lúc 8 giờ 40 phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**